

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HS-PT
Ngày 22 tháng 3 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Vũ

Ông Phạm Văn Toàn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 4A/2023/TLPT- HS ngày 06 tháng 01 năm 2023 do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXPT-HS, ngày 01 tháng 3 năm 2023.

Bị cáo bị kháng nghị:

Họ tên: **Nguyễn Thị N**, giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 13 tháng 5 năm 1972 tại thị xã P, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi đăng ký HKTT: Khu dân cư P, phường C, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; Nơi ở hiện tại: Không xác định; Bố đẻ: Nguyễn Thanh X (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1947; Anh chị em: 05 người bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Chồng: Nương Minh S (đã chết); Con: 01 con sinh năm 1988;

Tiền án: 01 tiền án.

Bản án hình sự sơ thẩm số 93/HS-ST ngày 13/01/1997 của Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 08 năm tù về tội trộm cắp tài sản của công dân, giá trị tài sản trộm cắp là 52.000.000 đồng. Thời hạn tù tính từ ngày 30/8/1996. Bị cáo được đặc xá ra trại tháng 9 năm 2000, bị cáo chưa chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm, án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự trong hình sự. (Căn cứ biên bản xác minh ngày 20/9/2022 tại Cục thi hành án dân sự thành phố H và biên bản xác minh ngày 26/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã P).

Tiền sự: Không;

Lịch sử bản thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 53/HS-ST ngày 25/4/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt 03 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy và 07 năm tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt buộc N phải chấp hành hình phạt chung cả hai tội là 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2001. Bị cáo ra trại ngày 04/4/2011, đã chấp hành xong án phí và các quyết định khác của bản án.

Bản án hình sự sơ thẩm số 63/HS-ST ngày 29/11/2011 của Tòa án nhân dân thị xã P xử phạt 07 năm 02 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2011. Bị cáo ra trại ngày 15/5/2017, đã chấp hành xong án phí và các quyết định khác của bản án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/7/2022 đến ngày 23/7/2022 sau đó được chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ (có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ 30 phút ngày 14/7/2022, tổ Công tác của đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an thị xã P cùng Công an phường C thị xã P đang làm nhiệm vụ tại khu vực gần ga thị xã P thuộc khu dân cư P, phường C, thị xã P, tỉnh Phú Thọ phát hiện và bắt quả tang bị cáo Nguyễn Thị N có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại nơi kiểm tra, bị cáo N tự giác giao nộp cho Tổ công tác 02 gói giấy có mặt ngoài màu trắng, trước sự chứng kiến của Tổ công tác mở 02 gói giấy ra thấy 02 gói đều có mặt trong màu trắng bạc bên trong chứa chất bột, cục màu trắng. Tổ công tác đã cho 02 gói giấy thu giữ của bị cáo N vào 01 phong bì dán kín lại, yêu cầu bị cáo N cùng các thành phần tham gia ký tên lên bì giấy và lập biên bản niêm phong vật chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định. Ngoài ra, Tổ công tác còn thu giữ của bị cáo N 02 ống Novocain chưa qua sử dụng; 02 xi lanh nhựa màu trắng loại 03ml/cc chưa qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J16 + màu đỏ, đã cũ, số IMEI 352812105024410/01 gắn thẻ sim 0342303918. Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo N tại khu dân cư P, phường C, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình khám xét không phát hiện và thu giữ gì.

Cũng trong ngày 14/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã P đã ra Quyết định trưng cầu giám định chất bột, cục màu trắng thu giữ của N. Tại bản kết luận giám định số 948/KLGD ngày 19/7/2022, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

*“Chất bột, cục màu trắng chứa trong 02 gói giấy có mặt ngoài màu trắng, mặt trong màu trắng bạc trong bì niêm phong gửi đến giám định là **ma túy**, có khối lượng là **0,166 gam**, loại **Heroin**”*

Heroin: số thứ tự 9, Danh mục I; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ

Hoàn lại đối tượng giám định: sau khi trích mẫu giám định, trả lại 0,116 gam chất bột, cục màu trắng cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong, dán kín trong 01 bì giấy bên ngoài có 05 hình dấu tròn màu đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ và chữ ký của các thành phần liên quan tại các mép dán”.

Ngay khi bị bắt quả tang và tại cơ quan điều tra, bị cáo N đều khai nhận số ma túy bị cáo bị cơ quan điều tra bắt giữ ngày 14/7/2022 bị cáo N cất giấu để sử dụng cho bản thân, ngoài ra không có mục đích gì khác. Về nguồn gốc số ma túy nêu trên, bị cáo N khai nhận khoảng hơn 06 giờ ngày 14/7/2022, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên bị cáo đi xe ôm của một người không quen biết xuống khu vực sân bóng huyện L, tỉnh Phú Thọ. Tại đây, bị cáo gặp và mua 02 gói ma túy với giá 400.000 đồng của một người đàn ông tên H, khoảng 50 tuổi, người cao khoảng 1m70, mặt đeo khẩu trang (bị cáo chỉ biết người này tự giới thiệu tên là H, không biết địa chỉ và số điện thoại của người này). Sau khi mua được ma túy, bị cáo cầm về thị xã P tìm nơi sử dụng thì bị tổ công tác kiểm tra, bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị thu giữ vật chứng, các đồ vật, tài sản như đã nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo N khai nhận về hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng hơn 06 giờ ngày 14/7/2022, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên bị cáo đi xe ôm của một người không quen biết xuống khu vực sân bóng huyện L, tỉnh Phú Thọ. Tại đây, bị cáo gặp và mua 02 gói ma túy với giá 400.000 đồng của một người đàn ông tên H, khoảng 50 tuổi, người cao khoảng 1m70, mặt đeo khẩu trang, tôi chỉ biết người này tự giới thiệu tên là H, không biết địa chỉ và số điện thoại của người này. Sau khi mua được ma túy, bị cáo cầm về thị xã P tìm nơi sử dụng thì bị tổ công tác kiểm tra, bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị thu giữ 02 ống Novocain chưa qua sử dụng; 02 xi lanh nhựa màu trắng loại 03ml/cc chưa qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J16 + màu đỏ, đã cũ, số IMEI 352812105024410/01 gắn thẻ sim 0342303918.

Đối với người đàn ông tên H bán ma túy cho bị cáo N trong ngày 14/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã P đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được người này nên không đề cập xử lý.

Đối với người lái xe ôm chở bị cáo N đi, bị cáo N không biết tên, địa chỉ cụ thể và cũng không trao đổi, bàn bạc với người này về việc mình đi mua ma túy để sử dụng nên Cơ quan điều tra không xác minh đề cập xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo N thừa nhận hồi 8 giờ 30 phút ngày 14/7/2022, bị cáo đã thực hiện hành vi tàng trữ 0,166 gam loại Heroine để tàng trữ cho bản thân bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P bắt quả tang như đã nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2022/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 14/7/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/12/2022, Viện kiểm sát nhân tỉnh Phú Thọ kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2022/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ tại Quyết định kháng nghị số 570/QĐ-VKS-P7 với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự để sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm theo hướng: Xác định bị cáo Nguyễn Thị N chưa chấp hành xong các quyết định của Bản án sơ thẩm số 93/HS-ST ngày 13/01/1997 của Tòa án nhân dân thành phố H và Bản án hình sự phúc thẩm số 686 ngày 19/5/1997 của Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao về phần án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự trong vụ án hình sự sơ thẩm, án phí hình sự phúc thẩm. Lỗi phạm tội này của bị cáo phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và tăng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ giữ nguyên quan điểm theo Quyết định kháng nghị số 570/QĐ-VKS-P7 ngày 27/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ. Sửa Quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị N.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ trong hạn luật định, được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát

nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ đã truy tố, không oan sai. Lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng thu được, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để xác định:

Hồi 08 giờ 30 phút ngày 14/7/2022 tại khu dân cư P, phường C, thị xã P; bị cáo Nguyễn Thị N đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,166 gam Heroine với mục đích sử dụng cho bản thân bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P kiểm tra và bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo với hành vi phạm tội như trên, Tòa án nhân dân thị xã P đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị N về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, tại phần lý lịch bị cáo trong bản án sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Thị N có 01 tiền án, nhưng tại phần nhận định và phần quyết định của bản án lại xác định bị cáo N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là chưa chính xác vì căn cứ vào Bản án hình sự sơ thẩm số 93/HS-ST ngày 13/01/1997 của Tòa án nhân dân thành phố H và Bản án hình sự phúc thẩm số 686 ngày 19/5/1997 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao về phần trách nhiệm dân sự và án phí đã quyết định bị cáo Nguyễn Thị N phải bồi thường cho anh Nguyễn Vĩnh Phát số tiền 34.000.000đ và anh PH Văn Quý số tiền 11.700.000đ, còn phải chịu 50.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm, 50.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm và 2.289.000đ tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự sơ thẩm.

Theo Biên bản xác minh ngày 20/9/2022, tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H:

- Đối với phần thi hành án chủ động: Cục thi hành án dân sự thành phố H đã ra Quyết định ủy thác số 366 ngày 16/8/1997, ủy thác cho Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Phú Thọ thi hành các khoản tiền bị cáo N phải thi hành, gồm: 50.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm, 50.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm và 2.289.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Đối với phần thi hành án theo đơn yêu cầu: Bị cáo N phải bồi thường cho anh Nguyễn Vĩnh Phát 34.000.000đ, bồi thường cho anh PH Văn Quý 11.700.000đ thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật tính đến thời điểm xác minh, người được thi hành án không có đơn yêu cầu đối với khoản bồi thường dân sự.

Tại Biên bản xác minh ngày 26/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P thể hiện: Trong sổ tiếp nhận hồ sơ ủy thác sổ thụ lý thi hành án hình sự không thấy, cũng không có quyết định ủy thác số 366 ngày 16/8/1997 của Cục thi hành án dân sự thành phố H đã cung cấp. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P không nhận được Quyết định ủy thi hành án của Cục Thi hành án dân sự thành phố H, ở đây xác định có một phần lỗi của Cơ quan nhà nước trong việc tổ chức thi hành án dân sự đối với phần thi hành án chủ động của Bản án sơ thẩm số 93/HS-ST ngày 13/01/1997 của Tòa án nhân dân thành phố H và Bản án hình sự phúc thẩm số 686 ngày 19/5/1997 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng thừa nhận chưa nộp các khoản tiền này vì lúc đó con bị cáo còn nhỏ và không biết phải nộp ở cơ quan nào.

Như vậy, cần xác định bị cáo N vẫn chưa chấp hành xong các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 93/HS-ST ngày 13/01/1997 của Tòa án nhân dân thành phố H và Bản án hình sự phúc thẩm số 686 ngày 19/5/1997 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao.

Mặt khác, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 53/HSST ngày 25/4/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xác định bị cáo Nguyễn Thị N có 01 tiền án là Bản án hình sự số 686 ngày 19/5/1997 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao và Bản án hình sự sơ thẩm số 63/HSST ngày 29/11/2011 của Tòa án nhân dân thị xã P đã xác định bị cáo N có 02 tiền án là Bản án số 686 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao và Bản án số 53/HSST ngày 25/4/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để xét xử bị cáo N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt là “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên, về phần tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát rút tình tiết “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại phần nhận định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định “*Tại phiên tòa về phần tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo đại diện Viện kiểm sát rút tình tiết “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy việc rút tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận*”. Từ nhận định như vậy, nên Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HSST ngày 28/11/2022 của Tòa án nhân dân thị xã P đã không áp dụng tình tiết “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật. Do vậy, lần phạm tội này của Nguyễn Thị N phải xác định thuộc trường hợp “Tái phạm”.

Mặt khác, tại phần lý lịch bị cáo, Bản án chỉ xác định bị cáo chưa chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự mà không xác định bị cáo còn chưa chấp hành án phí hình sự phúc thẩm theo quyết định của Bản án hình sự phúc thẩm số 686 ngày 19/5/1997 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao là chưa đầy đủ và thiếu sót cần được bổ sung vào phần lý lịch của bị cáo trong bản án này.

Đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là quá nhẹ, chưa tương xứng với đặc điểm nhân thân của bị cáo, chưa có tính dẫn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bản thân bị cáo N là người có nhân thân rất xấu, đã từng 03 lần phạm tội và bị kết án đều về những tội phạm liên quan đến ma túy, điều đó chứng tỏ bị cáo là người thiếu ý thức chấp hành pháp luật, khó giáo dục, cải tạo nên lần phạm tội này cần phải có hình phạt nghiêm khắc giành cho bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo có bố đẻ là thương binh nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; song như đã phân tích ở trên thì bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 18 tháng tù là nhẹ, chưa tương xứng với đặc điểm nhân thân của bị cáo, chưa có tính dẫn đe, giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Thị N chưa chấp hành xong các quyết định của Bản án sơ thẩm số 93/HS-ST ngày 13/01/1997 của Tòa án nhân dân thành phố H và Bản án hình sự phúc thẩm số 686 ngày 19/5/1997 của Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao về phần án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự trong vụ án hình sự sơ thẩm, án phí hình sự phúc thẩm. Lần phạm tội này của bị cáo phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và tăng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị N là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có quan điểm đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ. Sửa Quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

[2] Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 21 (Hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 14/7/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND thị xã P;
- VKSND thị xã P;
- Công an thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- TB UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu HS; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hà Giang